TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2019/HNGĐ -ST
Ngày 31 – 5 -2019
"V/v tranh chấp thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngần
2. Ông Hà Xuân Thuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 256/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 về *"tranh chấp thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1984 (có mặt)

Bị đơn: anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1981 (vắng mặt nhưng có đơn giải quyết vắng mặt)

Nguyên đơn, bị đơn cùng địa chỉ: khu phố B, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Trọng T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long. Theo quyết định trên, chị M được trực

tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Cát L, sinh ngày 17/7/2006 và Nguyễn Đan C, sinh ngày 09/8/2013 và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/hai con chung từ tháng 5 năm 2018 đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Từ đó đến khi khởi kiện vụ án này, anh T vẫn cấp dưỡng đầy đủ theo ghi nhận trong quyết định. Tuy nhiên, trong quá trình nuôi con chị M nhận thấy với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/hai con chung không đáp ứng đủ chi phí học tập, ăn uống và các chi phí sinh hoạt chính đáng khác. Thực tế, công việc dạy học ở trường Trung học phổ thông Phước Long có mức thu nhập không cao, ngoài giờ hành chính chị phải lo lắng cho các con nên không có thu nhập nào ngoài tiền lương. Ngoài ra, chị M còn lo khoản trả ngân hàng, hàng tháng đi chữa bệnh cho cháu L. Trong khi đó, mức thu nhập từ công việc hiện nay của anh T là 15.000.000 đồng, anh T chỉ có chi tiêu cá nhân không có chi phí cho các khoản khác. Như vậy, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/hai con chung là thấp so với thực tế thu nhập của anh T. Do đó, để các con chung có cuộc sống tốt và đầy đủ, đáp ứng các chi phí thiết yếu cho các con chị M yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu anh T có trách nhiệm nuôi hai người con chung 5.000.000 đồng mỗi tháng (mỗi người con chung 2.500.000 đồng/tháng). Tại phiên tòa, chị M thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh T thay đổi mức cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 2.000.000 đồng và cháu C mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu L và cháu C đủ 18 tuổi.

Trong các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Trọng T trình bày:

Năm 2018, anh và chị Nguyễn Thị M đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, trong quyết định có ghi nhận về con chung và cấp dưỡng nuôi con như phía chị M trình bày. Anh T vẫn thực hiện tốt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như trong Quyết định. Sau khi ly hôn, anh giao hết tài sản chung cho chị M sử dụng chỉ nhận lại 70.000.000 đồng, chị M cũng là người có công việc, nguồn thu nhập ổn đinh hàng tháng vẫn đảm bảo cuộc sống cho các con, ngoài ra anh còn nuôi mẹ ruột ở ngoài quê. Nay chị M khởi kiện yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng mỗi tháng (mỗi người con chung 2.500.000 đồng/tháng) anh không đồng ý, vì anh không có khả năng cấp dưỡng cao hơn. Nếu chị M không có khả năng nuôi con chung thì anh T yêu cầu chị M giao một người con chung để anh trực tiếp nuôi dưỡng.

Trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn năm 2018, về tài sản chung anh T và chị M tự thỏa thuận. Trong biên bản thỏa thuận anh T đồng ý giao toàn bộ tài sản chung là diện tích đất 131m^2 trên đất có một căn nhà cấp 4; tọa lạc tại khu phố B, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước, được UBND thị xã Phước Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01234/cq ngày 12/1/2/2013 cho chị Nguyễn Thị M. Nay chị M yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung thì anh yêu cầu phản tố để cấn trừ nghĩa vụ. Ngày 26/12/2018 anh T

có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với tài sản chung nêu trên.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 110 và 116 luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 5 Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội;điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "tranh chấp thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 5 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại khu phố B, phường L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn nhưng bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Chị M và anh T thống nhất năm 2018 chị M và anh T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long. Theo quyết định trên, chị M được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Cát L, sinh ngày 17/7/2006 và Nguyễn Đan C, sinh ngày 09/8/2013 và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/hai con chung từ tháng 5 năm 2018 đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Từ thời điểm đó đến khi tranh chấp mức cấp dưỡng anh T vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng. Tuy

nhiên, chị M là người trực tiếp nuôi con chung nhận thấy mức cấp dưỡng không đáp ứng đủ các nhu cầu thiết yếu cho các con nên yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con là mỗi tháng 5.000.000 đồng (mỗi người con chung 2.500.000 đồng/tháng).

[2.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu anh T thay đổi mức cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 2.000.000 đồng và cháu C mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu L và cháu C đủ 18 tuổi. Xét việc thay đổi yêu cầu này của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Anh T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì khi ly hôn anh T đã giao toàn bộ tài sản chung cho chị M quản lý, sử dụng để chị M nuôi con, anh chỉ nhận lại 70.000.000 triệu đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T làm đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn, đến ngày 08/4/2019 anh T có đơn xin rút yêu cầu phản tố. Xét thấy, việc rút đơn này là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, anh T có ý kiến đề nghị nếu chị M nuôi con thấy khó khăn thì giao lại một người con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Đây là yêu cầu không cùng yêu cầu của nguyên đơn, nếu anh T làm thủ tục phản tố thì phải có đơn yêu cầu phản tố để Tòa án xem xét, thụ lý, giải quyết trong cùng một vụ án. Tuy nhiên, anh T không có đơn phản tố đối với yêu cầu này nên Hội Đồng xét xử không xét, nếu sau này có tranh chấp thì anh T sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

[2.4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy mức cấp dưỡng nuôi hai con chung được ghi nhận trong Quyết định thuận tình ly hôn được thực hiện từ tháng 5 năm 2018. Từ thời điểm đó đến nay nhà nước cũng đã điều chỉnh mức lương cơ sở, các chi phí sinh hoạt, giá cả dịch vụ cũng thay đổi theo chiều hướng tăng lên. Cháu L và cháu C ngày càng lớn, đang trong độ tuổi phát triển nên nhu cầu thiết yếu để phục vụ cho cuộc sống cũng cao hơn. Theo bảng lương chị M cung cấp tại nơi làm việc trường THPT Phước Long là 6.274.573 đồng/tháng, bảng lương anh T cung cấp tại nơi làm việc cơ sở cai nghiện ma túy Phú Đức là 13.812.339 đồng/tháng cao hơn gấp đôi mức lương của chị M. Ngoài ra, hàng tháng chị M phải trả lãi cho khoản vay 400.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Phước Long, thời gian này, chị M còn phải lo chi phí chữa bệnh “rong kinh tuổi dậy thì” cho cháu L nên chi phí hàng tháng nuôi hai con cũng nhiều hơn. Trong khi đó, theo anh T trình bày mức lương của anh T chi phí sinh hoạt cá nhân, thuê nhà ở, nuôi mẹ già hàng tháng (khoảng 9.000.000đồng/tháng), ngoài ra không có khoản chi nào khác, xét thấy trừ đi các chi phí anh T trình bày vẫn đủ khả năng để thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Qua xác M tại địa phương, chi phí thiết yếu đối với trẻ 13 tuổi là 5.000.000 đồng mỗi tháng, đối với trẻ 06 tuổi là 4.000.000 đồng mỗi tháng. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị M là phù hợp với thực tế, phù hợp với mức lương thu nhập, khả năng của anh T, đồng thời để đảm bảo cho hai cháu L và C có điều kiện phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, thể hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của người làm cha mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con

tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, buộc anh Nguyễn Trọng T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Cát L, sinh ngày 17/7/2006 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) và cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Đan C, sinh ngày 09/8/2013 mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu L và cháu C đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các theo quy định tại các Điều 69, 71, 82, 83, 110 và Điều 116 Luật hôn nhân gia đình.

[2.5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận.

[2.6] Về chi phí tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Trọng T là người yêu cầu xem xét, thẩm định đối với yêu cầu phản tố phải chịu số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) mà anh T đã nộp cho Tòa án nhân dân thị xã Phước Long.

[2.6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Nguyễn Trọng T phải chịu án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 157; khoản 1 Điều 217; Điều 218, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Áp dụng các Điều 69,71, 82, 83, 110, 116 và điều 119 Luật Hôn nhân Gia đình 2014

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M về việc thay đổi mức cấp dưỡng tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long.

- Buộc anh Nguyễn Trọng T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Cát L, sinh ngày 17/7/2006 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) và cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Đan C, sinh ngày 09/8/2013 mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu L và cháu C đủ 18 tuổi; cấp dưỡng theo phương thức định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2019.

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Trọng T về yêu cầu chia tài sản chung.

- Về chi phí tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Trọng T phải chịu số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) mà anh T đã nộp cho Tòa án nhân dân thị xã Phước Long.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh Nguyễn Trọng T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, chị M không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Chị M số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo Biên lai thu số 0006120 ngày 01/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Trả lại cho anh T số tiền án phí dân sự có giá ngạch về yêu cầu phản tố chia tài sản chung là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) mà anh T đã nộp theo Biên lai thu số 0006212 ngày 27/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (31/5/2019), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

"Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- THA DS TX P.Long
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nghĩa